

Số: 3743/QĐ-ĐHHN

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2022-2023
cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy khóa 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ Luật số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội ban hành Luật Giáo dục đại học và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Nghị quyết số 1456/NQ-HĐT ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quy định công tác sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Quyết định số 2532/2022/QĐ-ĐHHN ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy định về học phí hình thức đào tạo chính quy trình độ đại học áp dụng từ năm học 2022-2023 ban hành kèm theo Quyết định số 1264/QĐ-ĐHHN ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 2936/TB-ĐHHN ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội về việc hướng dẫn làm hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy khóa 2022 học kỳ 1 năm học 2022-2023;

Xét hồ sơ và đơn đề nghị miễn giảm học phí của sinh viên;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác Sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và Trường phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 50 sinh viên hệ chính quy khóa 2022 thuộc diện được miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

- Đối tượng được miễn học phí: 26 sinh viên
- Đối tượng được giảm 70% học phí: 18 sinh viên
- Đối tượng được giảm 50 % học phí: 06 sinh viên

(danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức miễn, giảm học phí đối với mỗi sinh viên được thực hiện theo các quy định hiện hành.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các phòng: Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Tài chính-Kế toán, Quản lý Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV&QHDN.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Trào



DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY KHÓA 2022

ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 3743/QĐ-DHHN, ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Số tài khoản	Ngân hàng	Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ	Số tiền nhà trường hỗ trợ			
1	Đỗ Thị Như	Anh	2204000003	2K-22	Con của thương binh	Miễn học phí	18,000,000	6,250,000	11,750,000	21510003677860	BIDV	
2	Ôc Thị Quỳnh	Anh	2207010022	10A-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510004767834	BIDV	
3	Đoàn Thị Mai	Anh	2207190003	2I-22	Con của thương binh	Miễn học phí	11,550,000	6,000,000	5,550,000	21510003671181	BIDV	
4	Trương Ngọc	Ánh	2207040213	5T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	16010000894740	BIDV	
5	Phạm Hà	Chi	2207040030	1T-22	Con của bệnh binh	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510003701635	BIDV	
6	Bùi Hồng	Dung	2207010310	3A-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510003950181	BIDV	
7	Đàm Lê	Dương	2207040215	6T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510004095632	BIDV	
8	Đàm Thị Thúy	Hợp	2207040073	1T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510004095933	BIDV	
9	Lê Minh	Hương	2204040047	2TC-22	Con của bệnh binh	Miễn học phí	18,000,000	6,250,000	11,750,000	21510003677727	BIDV	
10	Đinh Thị	Hường	2207070036	1H-22	Con của thương binh	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510003665148	BIDV	
11	Hoàng Thị Thu	Huyền	2206080051	2Q-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	18,000,000	6,000,000	12,000,000	21510003682688	BIDV	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Số tài khoản	Ngân hàng	Ghi chú
							Số tiền Nhà nước hỗ trợ	Số tiền nhà trường hỗ trợ			
12	Phạm Thanh Huyền	2207010110	3A-22	Con của thương binh	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510004239740	BIDV	
13	Hà Thị Ngọc Lan	2207040221	5T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510003732219	BIDV	
14	Hoàng Thị Mai	2207070108	2H-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510003669168	BIDV	
15	Nguyễn Văn Thành Nam	2201040117	3C-22	Sinh viên mồ côi cha và mẹ bị tuyên bố mất tích	Miễn học phí	18,000,000	7,250,000	10,750,000	21510003684815	BIDV	
16	Lương Thị Tâm	2207040152	2T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510003703899	BIDV	
17	Trương Thị Thanh Tâm	2201000055	1TT-22	Con của bệnh binh	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510003703941	BIDV	
18	Nông Thị Kim Thi	2207140102	2T-22C	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	14,100,000	6,000,000	8,100,000	21510004096325	BIDV	
19	Hoàng Thị Thương	2207040176	4T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510003709435	BIDV	
20	Phạm Thị Thương	2207010308	8A-22	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510003444310	BIDV	
21	Nguyễn Thị Thùy	2201040203	5C-22	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	18,000,000	7,250,000	10,750,000	21510003683609	BIDV	
22	Nguyễn Ngọc Tú	2201040158	1C-22	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	18,000,000	7,250,000	10,750,000	21510003682244	BIDV	
23	Hà Thị Tuyết	2207040156	6T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	9,600,000	6,000,000	3,600,000	21510003711874	BIDV	
24	Lê Thị Hồng Vân	2207070100	1H-22	Con của thương binh	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510003668846	BIDV	
25	Đặng Thị Viễn	2207010296	7A-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510003699341	BIDV	
26	Vy Thị Thùy Yến	2207040206	5T-22	Con của thương binh	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	21510003700863	BIDV	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Số tài khoản	Ngân hàng	Ghi chú
							Số tiền Nhà nước hỗ trợ	Số tiền nhà trường hỗ trợ			
27	Bàn Thị Ngọc Ánh	2207040017	3T-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510003699873	BIDV	
28	Mã Thị Diệp	2207010309	9A-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510003966054	BIDV	
29	Đoàn Phương Hà	2207010311	8A-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510004768040	BIDV	
30	Lương Thu Hằng	2207140023	2T-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	12,300,000	4,200,000	8,100,000	21510003700410	BIDV	
31	Nông Thu Hằng	2207010077	10A-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510004239759	BIDV	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Số tài khoản	Ngân hàng	Ghi chú
							Số tiền Nhà nước hỗ trợ	Số tiền nhà trường hỗ trợ			
32	Hứa Mạnh Hùng	2204050080	1M-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	16,125,000	4,375,000	11,750,000	35110000874595	BIDV	
33	Vi Thị Huyền	2207080044	3TB-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510003705363	BIDV	
34	Quan Khắc Khiết	2207040086	6T-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510003701626	BIDV	
35	Lù Thị Khuê	2207040087	7T-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510003700474	BIDV	
36	Trần Văn Lương	2207040107	5T-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510003701468	BIDV	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Số tài khoản	Ngân hàng	Ghi chú
							Số tiền Nhà nước hỗ trợ	Số tiền nhà trường hỗ trợ			
37	Sái Thị Thảo Ly	2207040223	6T-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510004095641	BIDV	
38	Chi Thị Minh	2207010315	10A-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510003699518	BIDV	
39	Đỗ Thị Hoàng Ngân	2207060182	6NB-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510003671941	BIDV	
40	Nông Thu Thảo	2207010318	9A-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510003708849	BIDV	
41	Triệu Thị Thu	2207040168	3T-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510003699998	BIDV	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Số tài khoản	Ngân hàng	Ghi chú
							Số tiền Nhà nước hỗ trợ	Số tiền nhà trường hỗ trợ			
42	Nông Thị Lệ Thúy	2207040169	4T-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510003709268	BIDV	
43	Nông Thị Thanh Thùy	2207040231	6T-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510004096404	BIDV	
44	Đinh Thị Mai Uyên	2207040198	4T-22	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	21510003701750	BIDV	
45	Nguyễn Tuấn Anh	2207010018	7A-22	Con của người bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	Giảm 50% học phí	9,000,000	3,000,000	6,000,000	21510003692182	BIDV	
46	Trần Phương Anh	2207020016	2N-22	Con của người bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	Giảm 50% học phí	9,000,000	3,000,000	6,000,000	21510003701422	BIDV	
47	Đoàn Ánh Chi	2207010046	2A-22	Con của người bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	Giảm 50% học phí	9,000,000	3,000,000	6,000,000	21510003696184	BIDV	
48	Nguyễn Lâm Thùy Dương	2207040042	6T-22	Con của người bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	Giảm 50% học phí	9,000,000	3,000,000	6,000,000	21510003700119	BIDV	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Số tài khoản	Ngân hàng	Ghi chú
							Số tiền Nhà nước hỗ trợ	Số tiền nhà trường hỗ trợ			
49	Bùi Thị Thùy Linh	2206080064	1Q-22	Con của người bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	Giảm 50% học phí	15,000,000	3,000,000	12,000,000	21510003680424	BIDV	
50	Phạm Đức Quân	2201040150	2C-22	Con của người bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	Giảm 50% học phí	14,375,000	3,625,000	10,750,000	21510003680257	BIDV	
TỔNG:						604,250,000	254,650,000	349,600,000			

Tổng số tiền miễn, giảm học phí: **604,250,000** đồng (Bằng chữ: Sáu trăm linh tư triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Nhà nước hỗ trợ: **254,650,000** đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi tư triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Nhà trường hỗ trợ: **349,600,000** đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Danh sách gồm: 50 sinh viên được miễn, giảm học phí

Trong đó:

Miễn học phí: 26 sinh viên

Giảm 70% học phí: 18 sinh viên

Giảm 50% học phí: 6 sinh viên

PHÒNG CTSV VÀ QHDN 

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN 

HIỆU TRƯỞNG


Đỗ Quốc Đạt


Dương Thị Thu


Nguyễn Văn Trào